TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ H.T** **TỈNH T.N**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 22/2020/DS-ST
Ngày: 21/7/2020
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ H.T, TỈNH T.N

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Thành Diệp**.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà **Lê Ngọc Trầm**
2. Ông **Huỳnh Quan Lộc**

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông **Lưu Sử Ngọc Quân** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã H.T.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H.T***: Bà **Nguyễn Thị Bích Du** – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã H.T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 525/2019/TLST-DS, ngày 27 tháng 12 năm 2019, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2020/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2020/QĐST-DS, ngày 30/6/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **D.T.T**(Gái), sinh năm 1964 (vắng mặt);
Trú tại địa chỉ: Số 2/68, ấp L.H, xã T.T, thị xã H.T, tỉnh T.N.
Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Anh **N.H.L**, sinh năm 1985 (có mặt) theo giấy ủy quyền ngày 25/12/2019.
Trú tại địa chỉ: Số 6, đường Suối Đá, Khedol, ấp Phước Hội, xã Suối Đá, huyện Dương Minh Châu, tỉnh T.N

- *Bị đơn*: Ông **L.V.T**, sinh năm 1964 (vắng mặt);
Bà **P.N.H**, sinh năm 1964 (vắng mặt);
Cùng trú tại địa chỉ: Số 57, đường N.Q, ấp L.K, xã L.T.N, thị xã H.T, tỉnh T.N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 12 năm 2019 và các lời khai tại phiên sơ thẩm người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn – anh N.H.L trình bày:

Do chỗ quen biết nên vào ngày 10/11/2016 (AL), bà D.T.Tcó cho vợ chồng ông L.V.T và bà P.N.H vay số tiền 50.000.000 đồng, khi vay ông T có viết giấy nhận nợ, muc đích vay để mua bán, thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng, hai bên có thỏa thuận bằng miệng 05 tháng sẽ trả. Sau đó bà P.N.H có vay thêm số tiền 10.000.000 đồng, nhưng không có làm giấy nhận nợ, ngày 31/12 11/2017 ông T trả cho bà T 5.000.000 đồng tiền nợ gốc thì ngưng không trả, bà T đến nhà ông T và N.Q đòi nợ nhiều lần nhưng hẹn mà không trả. Nay bà T yêu cầu N.Q và ông T cùng có nghĩa vụ trả số tiền 55.000.000 đồng tiền nợ gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 10/11/2016 (AL) đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà nguyên đơn rút lại 01 phần yêu cầu đối với ông T và N.Q đối với số tiền 10.000.000 đồng.

***- Bị đơn** – bà P.N.H và ông L.V.T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do.*

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị H.T phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi vào nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Thẩm phán vi phạm thời hạn xét xử. Về người tham gia tố tụng, anh Lên có mặt, N.Q và ông T vắng mặt.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp về hợp đồng vay tài sản của bà D.T.Tđối với bà P.N.H và ông L.V.T.

Buộc N.Q và ông T cùng có nghĩa vụ trả nợ cho bà T số tiền nợ gốc là 45.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Tính án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông L.V.T và bà P.N.H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông T và N.Q vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T và N.Q theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Ông L.V.T và bà P.N.H có nơi cư trú tại: Số 57, đường N.Q, ấp L.H, xã T.T, thị xã H.T, tỉnh T.N, nên Tòa án nhân dân thị xã H.T thụ lý vụ án đúng theo quy định tại Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Ngày 10/11/2016 ông L.V.T có vay của bà D.T.Tsố tiền 50.000.000 đồng, có viết giấy nhận nợ, ông T trả 5.000.000 đồng. Nay bà T yêu cầu ông T cùng N.Q cùng có nghĩa vụ trả. Tòa án nhân dân thị xã H.T, tỉnh T.N xác định vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự 2015.

[4] Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại 01 phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 10.000.000 đồng đối với ông T và N.Q. Xét thấy việc rút lại 01 phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện nên được chấp nhận.

Về nội dung:

[1] Ngày 10/11/2016 ông L.V.T có vay của bà D.T.Tsố tiền 50.00.000 đồng, ông T có viết giấy nhận nợ, thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng, hẹn 05 tháng sẽ trả, từ khi vay đến ngày 31/12/2017 ông T có trả cho bà T 5.000.000 đồng tiền nợ gốc.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà D.T.Tthấy rằng: Bà T cung cấp giấy nhận nợ do ông T viết vào ngày 10/11/2016 có vay của bà Gái số tiền 50.000.000 đồng, từ khi vay đến ngày 31/12/2017 ông T có trả cho bà T được 5.000.000 đồng tiền nợ gốc, bà T yêu cầu ông T và N.Q trả nợ gốc là 45.000.000 đồng và tính lãi suất theo quy định của pháp luật. Ông T và N.Q đã được Tòa án tống đạt các thủ tục hợp lệ để làm bản tự khai và hòa giải nhưng ông T và N.Q không có mặt là từ bỏ quyền lợi của mình. Từ lời trình bày và giấy nợ của bà T cung cấp, có cơ sở xác định ngày 10/11/2016, ông T có viết giấy nhận nợ đối với bà T số tiền là 50.000.000 đồng, sau đó có trả cho bà T 5.000.000 đồng. Nay bà T yêu cầu ông T và N.Q cùng có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc là 45.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật. Xét nghĩa vụ trả nợ thấy rằng, ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho bà T, N.Q là vợ của ông T hiện đang sống chung nhà, N.Q thừa nhận đây là nợ chung của vợ chồng. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của bà T, buộc bà P.N.H và ông L.V.T cùng có nghĩa vụ trả cho bà D.T.Tsố tiền 45.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật là phù hợp với Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, lãi suất được tính cụ thể như sau:

Từ ngày 10/11/2016 AL nhằm ngày 08/12/2016 DL đến ngày 31/12/2017 là 12 tháng 23 ngày x 0,83%/tháng x 50.000.000 đồng = 5.298.000 đồng.

Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 21/7/2020 là 30 tháng 20 ngày x 45.000.000 đồng = 11.454.000 đồng.

[3] Về án phí: Bà P.N.H và ông L.V.T phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27 của luật hôn nhân gia đình 2014.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện của bà D.T.Tđối với số tiền 10.000.000 đồng.

Bà T có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại yêu cầu trên.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản" của bà D.T.Tđối với bà P.N.H và ông L.V.T.

Buộc ông T cùng N.Q cùng có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền 61.752.000 đồng (Sáu mươi mốt triệu,bảy trăm năm mươi hai ngàn đồng). trong đó tiền nợ gốc là 45.000.000 đồng và 16.752.000 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày bà D.T.Tcó đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà P.N.H và ông L.V.T chưa thi hành xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng N.Q và ông T còn phải trả

cho bà T số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Bà P.N.H và ông L.V.T phải chịu 3.087.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà D.T.T1.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008377, ngày 26/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.T (nay là thị xã H.T), tỉnh T.N.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho bà T biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh T.N trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông T và N.Q được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án, hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND TX. H.T;
- THADS TX. H.T;
- Lưu : Tập án;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

VÕ THÀNH DIỆP